TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 06-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy
Ông Huỳnh Ngọc Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2018/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 497/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 257/2018/QĐPT-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị Thu H, sinh năm 1999, cư trú tại: Số nhà 269/1, ấp K, xã Q, huyện T1, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1986, cư trú tại: Số nhà 6/2, ấp X, xã T, huyện T1, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Anh Nguyễn Văn H1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đào Thị Thu H trình bày:

Năm 2015, chị và anh H1 kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T ngày 28/02/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2018 hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đồng thời chị với gia đình bên chồng có mâu thuẫn do chưa hiểu ý, khó hòa hợp. Anh H1 không lo làm ăn, ham chơi chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng không thay đổi. Từ tháng 6/2018, chị đã về sống ở nhà mẹ ruột hai vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Đào Ngọc P, sinh ngày 11/5/2016. Nay thấy không còn tình cảm với anh H1, mâu thuẫn giữa hai bên không giải quyết được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh H1;

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Đào Ngọc P sinh ngày 11/5/2016, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung:

- 04 chỉ vàng 24K trị giá 14.400.000 đồng chị yêu cầu nhận ½ giá trị vàng là 7.200.000 đồng, anh H1 được sở hữu 04 chỉ vàng nêu trên;

- 05 chỉ vàng 18K trong đó có 02 chỉ vàng mẹ ruột chị cho cháu P, chị không yêu cầu anh H1 trả lại;

- 11 con dê: Do một con đã chết nên giá trị còn lại là 14.000.000 đồng, chị yêu cầu anh H1 trả một phần giá trị là 3.500.000 đồng và anh H1 được sở hữu 10 con dê.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, về con chung và khoảng thời gian gia đình mất hạnh phúc, tuy nhiên, mâu thuẫn giữa anh và chị H là những chuyện nhỏ trong gia đình, do chưa hiểu ý nhau những việc đó có thể cải thiện.

Về hôn nhân: Do anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Thống nhất như chị H trình bày nếu ly hôn anh đồng ý trả cho chị H ½ giá trị của 04 chỉ vàng 24K là 7.200.000 đồng, một phần giá trị của 10 con dê là 3.500.000 đồng, tổng cộng là 10.700.000 đồng.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 497/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T1 đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của chị Đào Thị Thu H.

Về hôn nhân: Chị Đào Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đào Ngọc P, sinh ngày 11/5/2016. Sau khi ly hôn chị H được trực tiếp nuôi con chung.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng.

Anh Nguyễn Văn H1 được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc anh H1 đồng ý giao cho chị H số tiền 10.700.000 đồng. Anh H1 được sở hữu 04 chỉ vàng 24K và 10 con dê.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 12/9/2018, bị đơn anh Nguyễn Văn H1 kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đồng thời, về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Đào Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn H1 với nguyên nhân là anh ham chơi, không lo làm ăn nên cuộc sống gia đình không hòa

hợp, chị H đã về sống ở nhà cha mẹ ruột từ tháng 6/2018, trong thời gian này anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong khi theo xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm thì anh H1 có uống rượu đến nhà chị H xảy ra mâu thuẫn với cha mẹ vợ, giằng co cháu P làm ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của con chung. Anh H1 cho rằng còn tình cảm với chị H, tuy nhiên chị H kiên quyết muốn ly hôn vì không còn tình cảm với anh, cũng như anh H1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình với chị H và ứng xử không phù hợp làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị H để chị được ly hôn với anh H1 là phù hợp.

Về con chung: Cháu Nguyễn Đào Ngọc P, sinh ngày 11/5/2016 hiện chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ, nên việc giao cháu P cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh H1 cũng thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về tài sản chung gồm 04 chỉ vàng 24K và 10 con dê, anh cũng đồng ý giao cho chị H giá trị tài sản chung là 10.700.000 đồng nếu Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

Về tài sản chung: Các bên trình bày không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, do anh H1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo cũng như không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H nên giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 497/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T1; đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Thị Thu H phải chịu là 835.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số tương ứng 0016368, 0016369 cùng ngày 14/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Bến Tre. Hoàn tiền tạm ứng án phí còn lại cho chị H là 68.500 đồng.

Anh Nguyễn Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 885.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh H1 phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018628 ngày 14/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H1;

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 497/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của chị Đào Thị Thu H.

Về hôn nhân: Chị Đào Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Đào Ngọc P, sinh ngày 11/5/2016. Sau khi ly hôn chị Đào Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Đào Ngọc P.

Ghi nhận chị Đào Thị Thu H không yêu cầu anh Nguyễn Văn H1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật Dân sự và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong tường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Buộc anh Nguyễn Văn H1 phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 10.700.000 đồng. Anh H1 được sở hữu 04 chỉ vàng 24K và 10 con dê.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Thị Thu H phải chịu là 835.000 đồng (tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số tương ứng 0016368, 0016369 cùng ngày 14/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Bến Tre. Hoàn tiền tạm ứng án phí còn lại cho chị Đào Thị Thu H là 68.500 đồng (sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Anh Nguyễn Văn H1 phải chịu án phí là 885.000 đồng (tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn H1 phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018628 ngày 14/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương